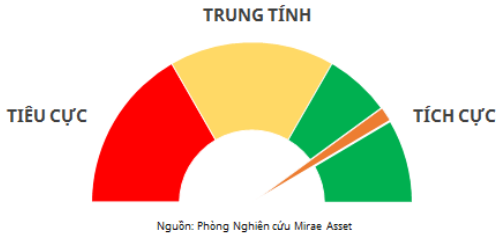


Thang đo sức mạnh thị trường



30 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,310.05	3.25	-6.99	63.53
HNX	314.85	4.33	-2.62	191.26
UPCOM	86.93	3.04	-3.68	58.46
MSCI EM	1,295.41	-1.21	-5.76	19.72
NIKKEI	27,283.59	-0.96	-5.24	22.13
HANG SENG	25,961.03	-4.98	-9.94	5.06
KOSPI	3,202.32	-1.60	-2.86	41.26
FTSE	7,025.70	-0.03	-0.17	17.29
S&P 500	4,419.15	1.18	2.83	36.13
NASDAQ	14,778.26	0.64	1.89	39.58

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.74	2.63	15.94
SET INDEX	27.55	1.62	6.17
JCI INDEX	N/A	2.08	-8.29
PCOMP INDEX	26.67	1.54	5.98

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.06	0	-4	-77
10 năm	2.19	3	-2	-76

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,964	0.15	0.19	0.89
US\$/KRW	1,150	0.05	-2.10	3.84
US\$/JPY	110	0.92	1.43	-4.39
US\$/EUR	0.84	-1.12	-0.40	-0.49
US\$/GBP	0.72	-1.61	-1.01	-6.29
US\$/SGD	1.35	0.66	-0.47	1.51

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	625	807	557
HNX	96	109	77
UPCOM	37	46	34

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Hồi phục hơn 40 điểm trong tuần, VN-Index vượt ngưỡng 1.300

VN-Index bất ngờ có trọn tuần tăng điểm bất chấp dịch bệnh vẫn đang có diễn biến phức tạp. Sau 3 phiên đầu tuần hồi phục nhẹ cùng với diễn biến thanh khoản cạn kiệt trong phiên 28/07, là dấu hiệu của việc cạn cung giá thấp, VN-Index đã có 2 phiên cuối tuần bứt phá mạnh với mức tăng lần lượt 16,53 điểm (29/07) và 16,45 điểm (30/07) giúp VN-Index chốt tuần tại 1.310,05, tăng 41,22 điểm (+3,25%).

Cổ phiếu Ngân hàng vẫn duy trì phong độ là nhóm dẫn dắt VN-Index khi có đến 6/10 vị trí trong nhóm các cổ phiếu ảnh hưởng của tuần. Tuy nhiên nhóm Ngân hàng đã không có đại diện nào trong top 3 mã ảnh hưởng lớn nhất, 3 mã này lần lượt là MSN +4,8 điểm, VIC +2,9 điểm và GVR +2,9 điểm. Trong 6 mã Ngân hàng, ACB là cổ phiếu tăng mạnh nhất với mức tăng 9,5% đồng thời giúp VN-Index tăng 2,3 điểm.

Khối ngoại trở lại mua ròng với giá trị hơn 650 tỷ đồng trên HSX, trong đó AGG là cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất với giá trị 385 tỷ đồng, tiếp theo là NVL với giá trị mua ròng hơn 230 tỷ đồng và MSB xếp thứ 3 với giá trị mua ròng 227 tỷ đồng. Chiều bán ròng, KDH là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất với giá trị 162 tỷ đồng.

Diễn biến hồi phục của Vn-Index trong tuần đã xuất hiện 2 tín hiệu tích cực ưa thích của chúng tôi. Chỉ số đã lần lượt vượt 2 kháng cự quan trọng là ngưỡng MA 20 tuần tại 1.290 và MA 20 ngày tại 1.303. Diễn biến này giúp xu hướng ngắn hạn và trung hạn được cải thiện từ mức Giảm điểm lên mức Đi ngang. Trong tuần sau chúng, khả năng chỉ số sẽ trở lại kiểm định vùng 1.290 (MA 20 tuần). Nếu duy trì được ngưỡng này thì xu hướng hồi phục vẫn sẽ được tiếp diễn với mục tiêu là các mốc cao hơn 1.350 và 1.400. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 6.500 tỷ đồng, đạt 72,2% tổng lượng gọi thầu lần đầu và bổ sung. Tỷ lệ chào mua/ gọi thầu giảm nhẹ về mức 2,4 lần từ mức 2,5 lần của kỳ trước. Cụ thể kỳ hạn 7 năm phát hành công 250/1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,32% (+0bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 750/ 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,16% (+1bps); Kỳ hạn 15 năm thành công toàn bộ 2.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,44% (+1bps) và toàn bộ 3.000 tỷ đồng kỳ hạn 30 năm đã phát hành thành công tại mức lợi suất 3,05%.
- Tuần sau vào ngày 28/07 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 21/07 – 28/07, lãi suất liên ngân hàng đã tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, kỳ hạn O/N, 1 tuần và 2 tuần ghi nhận các mức tăng lên lượt +3bps lên 0,98%, +4bps lên 1,26% và +9bps lên 1,31%. Trong khi đó các kỳ hạn dài đã ghi nhận mức tăng mạnh hơn, lần lượt như sau: Kỳ hạn 1 tháng tăng 15bps lên 1,51%, kỳ hạn 3 tháng tăng 28bps lên 1,93%, kỳ hạn 6 tháng tăng 4bps lên 3,08%.
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 30/07/21 của NHNN đã giảm 0,125% so với cuối tuần trước, về mức 23.180 VND/USD. Tỷ giá NHTM biến động cùng chiều, ghi nhận mức giảm lần lượt 0,262% và 0,26% ở chiều mua và chiều bán về mức 22.820 – 23.050 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,388% chiều mua và 0,366% chiều bán về mức 23.110 – 23.165 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,310.05	Kháng cự 1	1.350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.250

Diễn biến hồi phục của Vn-Index trong tuần đã xuất hiện 2 tín hiệu tích cực ưa thích của chúng tôi. Chỉ số đã lần lượt vượt 2 kháng cự quan trọng là ngưỡng MA 20 tuần tại 1.290 và MA 20 ngày tại 1.303. Diễn biến này giúp xu hướng ngắn hạn và trung hạn được cải thiện từ mức Giảm điểm lên mức Đi ngang. Trong tuần sau chúng, khả năng chỉ số sẽ trở lại kiểm định vùng 1.290 (MA 20 tuần). Nếu duy trì được ngưỡng này thì xu hướng hồi phục vẫn sẽ được tiếp diễn với mục tiêu là các mốc cao hơn 1.350 và 1.400. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/07/2021)	1,445	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.520
VN30 – đóng cửa	1.447	Hỗ trợ 1 1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,23	Hỗ trợ 2 1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

VN30F1M bật tăng tích cực sau nhiều phiên tích lũy quanh ngưỡng 1,400 điểm và đang tiến gần tới ngưỡng kháng cự mạnh 1,480 điểm. Vì vậy nhà đầu tư nên đứng ngoài theo dõi diễn biến và xu hướng khi VN30F1M về gần với ngưỡng kháng cự

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.15	5,698,285	4	KHẢ QUAN	4,793	11.5	1.0
ACB	36.15	10,226,920	5	KHẢ QUAN	97,675	10.1	2.4
AGR	13.3	2,795,205	5	KHẢ QUAN	2,809	13.3	1.3
ASM	12.7	2,250,265	2	TRUNG TÍNH	3,288	7.2	0.7
BID	41.1	2,535,705	2	TRUNG TÍNH	165,305	20.1	2.1
BSI	21.8	1,547,390	3	TRUNG TÍNH	2,650	10.6	1.7
BSR	19.1	13,839,855	6	KHẢ QUAN	59,220	#N/A N/A	1.9
BVH	51.1	1,034,720	5	KHẢ QUAN	37,933	20.1	1.9
CII	16.1	1,969,635	4	KHẢ QUAN	3,846	289.4	0.8
CTG	34.4	16,850,556	4	KHẢ QUAN	165,318	9.3	1.8
CTR	80.7	783,585	4	KHẢ QUAN	7,499	26.8	7.1
CTS	21.7	1,451,405	5	KHẢ QUAN	2,309	8.1	1.5
DBC	54.9	1,780,680	6	KHẢ QUAN	6,327	5.1	1.4
DCM	20.2	3,758,165	7	KHẢ QUAN	10,694	18.0	1.7
DGC	95.5	1,616,900	6	KHẢ QUAN	16,338	16.3	3.7
DGW	148.8	414,200	5	KHẢ QUAN	6,577	16.2	4.7
DIG	25.6	5,116,790	7	KHẢ QUAN	10,493	13.7	2.2
DPM	25.55	2,278,285	7	KHẢ QUAN	9,999	13.2	1.3
DRC	29.95	2,284,665	7	KHẢ QUAN	3,558	10.4	2.1
DXG	21.55	6,602,130	4	KHẢ QUAN	11,169	#N/A N/A	1.7
E1VFN30	24.6	1,609,510	3	TRUNG TÍNH	10,064	#N/A Field	#N/A Field
FIT	15.1	6,613,460	0	TRUNG TÍNH	3,846	56.5	1.3
FLC	11.15	22,410,164	3	TRUNG TÍNH	7,916	5.8	0.8
FPT	94	3,750,920	7	KHẢ QUAN	85,302	22.2	5.1
FRT	37.45	3,509,665	4	KHẢ QUAN	2,958	157.4	2.4
GAS	89.6	747,310	0	TRUNG TÍNH	171,490	22.0	3.7
GEX	22.7	5,413,730	7	KHẢ QUAN	17,733	13.5	1.9
GMD	46.1	3,137,580	5	KHẢ QUAN	13,894	37.0	2.3
GVR	33.7	4,971,395	7	KHẢ QUAN	134,800	28.1	2.8
HAH	44.15	1,612,070	7	KHẢ QUAN	2,092	12.6	1.8
HBC	13.5	3,255,625	5	KHẢ QUAN	3,117	35.2	0.9
HCM	47.85	5,614,235	3	TRUNG TÍNH	14,596	16.5	3.0
HDB	33.7	3,561,920	3	TRUNG TÍNH	53,710	10.9	2.2
HDC	59.6	985,745	2	TRUNG TÍNH	4,955	18.5	4.1
HDG	53.3	2,917,085	2	TRUNG TÍNH	8,722	7.5	2.5
HHV	17.6	1,782,270	0	TRUNG TÍNH	4,706	30.2	0.8
HNG	7.75	9,406,235	-2	TRUNG TÍNH	8,591	330.1	1.0
HPG	47.3	32,671,140	4	KHẢ QUAN	211,569	11.7	3.2
HSG	37.3	12,913,080	7	KHẢ QUAN	18,243	4.8	1.9
HUT	8.4	3,607,525	6	KHẢ QUAN	2,257	#N/A N/A	0.8
IDC	34.4	2,102,740	6	KHẢ QUAN	10,320	32.9	2.8
IJC	25.2	5,859,265	7	KHẢ QUAN	5,471	7.2	1.7
ITA	6.25	7,583,740	5	KHẢ QUAN	5,865	28.2	0.5
KBC	34.45	9,380,155	7	KHẢ QUAN	16,183	21.0	1.6
KDC	62.4	1,878,125	3	TRUNG TÍNH	14,274	31.9	2.5
KDH	40.7	4,411,505	7	KHẢ QUAN	25,360	20.9	3.0
LPB	25.5	7,921,325	5	KHẢ QUAN	30,692	11.5	2.0
MBB	28.9	18,667,490	2	TRUNG TÍNH	109,193	10.5	2.0
MBS	29.1	2,578,855	2	TRUNG TÍNH	7,787	13.3	1.6
MSN	134	1,736,065	7	KHẢ QUAN	158,192	104.6	9.7
MWG	164.1	1,195,555	-2	TRUNG TÍNH	77,998	18.1	4.5
NAF	32.6	1,154,615	5	KHẢ QUAN	1,551	26.7	2.4

NKG	33.7	5,219,105	5	KHẢ QUAN	6,133	4.1	1.3
NLG	43.7	2,868,565	7	KHẢ QUAN	12,466	11.1	1.9
NTL	29.1	1,391,480	7	KHẢ QUAN	1,775	5.8	1.5
NVB	22.5	4,190,140	7	KHẢ QUAN	9,153	843.4	2.1
NVL	104	3,097,955	0	TRUNG TÍNH	153,255	33.7	4.8
PAN	25.8	1,254,665	4	KHẢ QUAN	5,389	27.4	1.5
PDR	92.5	3,170,015	5	KHẢ QUAN	45,026	31.9	8.1
PET	21.35	2,577,745	7	KHẢ QUAN	1,784	11.1	1.2
PHR	49.8	686,000	5	KHẢ QUAN	6,748	9.6	2.2
PLX	51.3	1,462,720	5	KHẢ QUAN	63,808	17.6	2.7
PNJ	95.8	864,705	0	TRUNG TÍNH	21,782	16.5	3.8
POW	10.7	9,008,885	4	KHẢ QUAN	25,058	10.3	0.9
PTB	94.7	300,935	2	TRUNG TÍNH	4,856	11.6	2.3
PVD	18.15	5,499,160	4	KHẢ QUAN	7,644	118.5	0.6
PVS	24.8	10,936,215	4	KHẢ QUAN	11,854	18.0	1.0
PVT	18.5	3,456,735	6	KHẢ QUAN	5,988	8.1	1.2
REE	55	625,850	7	KHẢ QUAN	16,998	9.5	1.4
ROS	4.97	13,885,300	4	KHẢ QUAN	2,821	155.1	0.5
SBS	12.7	2,761,895	2	TRUNG TÍNH	1,609	1,400.2	7.8
SBT	18.55	2,921,485	4	KHẢ QUAN	11,448	16.4	1.4
SCR	10.3	7,411,520	7	KHẢ QUAN	3,773	21.4	0.8
SHB	27.8	19,852,216	4	KHẢ QUAN	53,530	15.9	2.1
SHS	42.2	6,637,660	5	KHẢ QUAN	8,747	8.2	2.0
SMC	44.35	1,058,215	5	KHẢ QUAN	2,702	2.8	1.2
SSI	54.6	13,697,900	5	KHẢ QUAN	35,758	19.4	3.2
STB	29.9	31,155,476	7	KHẢ QUAN	53,929	20.0	1.8
SZC	40.95	1,060,725	7	KHẢ QUAN	4,095	16.4	3.1
TCB	51.1	25,017,776	-2	TRUNG TÍNH	179,101	11.1	2.2
TCH	19.15	6,113,775	4	KHẢ QUAN	7,644	7.5	1.3
TNG	21.2	1,876,970	6	KHẢ QUAN	1,686	9.3	1.3
TPB	35	6,002,540	5	KHẢ QUAN	37,509	8.3	1.8
TTF	7.13	4,130,955	2	TRUNG TÍNH	2,219	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	98	1,930,370	-2	TRUNG TÍNH	363,470	17.2	3.6
VCI	49.8	3,512,720	0	TRUNG TÍNH	16,583	14.4	3.1
VCS	118.7	366,515	6	KHẢ QUAN	18,992	12.1	4.5
VGJ	16.6	3,359,570	5	KHẢ QUAN	8,300	29.1	1.3
VHC	41.1	1,391,865	6	KHẢ QUAN	7,478	10.2	1.4
VHM	108.3	4,154,085	2	TRUNG TÍNH	356,254	10.9	3.7
VIB	41.6	2,315,560	-2	TRUNG TÍNH	64,611	12.4	3.3
VIC	107.2	2,208,145	5	KHẢ QUAN	362,597	49.3	4.5
VIX	22.2	3,443,205	4	KHẢ QUAN	2,835	4.0	1.3
VJC	113	646,185	-5	TIÊU CỰC	61,202	50.1	4.0
VND	46.1	7,777,275	7	KHẢ QUAN	19,778	13.6	3.5
VNM	86.1	3,158,345	2	TRUNG TÍNH	179,945	18.4	5.7
VPB	61	15,777,115	2	TRUNG TÍNH	149,740	12.1	2.5
VPG	46.1	852,860	2	TRUNG TÍNH	1,988	5.7	2.6
VPI	39.05	957,940	7	KHẢ QUAN	7,810	25.6	2.8
VRE	27.65	4,740,120	4	KHẢ QUAN	62,830	23.5	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc muốn áp thuế xuất khẩu thép tới 25%

Theo Bloomberg Trung Quốc đang xem xét việc áp thêm thuế xuất khẩu thép để đạt mục tiêu kép, vừa hạn chế sản lượng thép trong nước vừa kiềm chế giá mặt hàng này tăng cao làm dấy lên lo ngại về lạm phát.

Mức thuế đang được thảo luận trong khoảng 10% đến 25% và mặt hàng bị áp thuế bao gồm thép cán nóng. Nhà chức trách Trung Quốc đang xem xét để áp dụng trong quý III dù chính sách này vẫn đang chờ được thông qua.

Ngành công nghiệp thép lớn nhất thế giới đã loại bỏ các khoản giảm thuế xuất khẩu thép và tăng thuế xuất khẩu đối với một số loại hồi đầu tháng 5 để giữ thêm nguồn cung trong nước. Lần áp dụng tới sẽ nhắm vào một số sản phẩm thép khác, chưa được nhắc tới trong đợt điều chỉnh trước đó.

Ông Atilla Widnell, Giám đốc điều hành hàng hóa dữ liệu thị trường hàng hoá Navigate Commodities, nhận định: "Hành động áp thêm thuế của Chính phủ Trung Quốc muốn nhắm đến những hãng sản xuất thép cổ tình bỏ qua yêu cầu kiểm soát sản lượng khi biên lợi nhuận từ sản xuất thép quá lớn.

Hoạt động xuất khẩu thép cuộn cán nóng sẽ chịu mức thuế suất lên tới 20% nếu Trung Quốc thông qua kế hoạch áp thuế và dự báo động thái này sẽ tác động lớn đến các hãng sản xuất thép quy mô nhỏ, có biên lợi nhuận thấp tại nước này".

Trung Quốc, nước xuất khẩu thép nhiều nhất thế giới, đang thực hiện mục tiêu giảm sản lượng trong năm nay để hạn chế lượng carbon thải ra môi trường.

Các chính sách của Trung Quốc được đưa ra sau khi nhu cầu thép tăng cao khiến giá mặt hàng này tăng cao kỷ lục hồi đầu năm và thị trường toàn cầu đang chứng kiến sự bùng nổ thép khi các nền kinh tế điều hướng phục hồi sau đại dịch.

Chứng khoán châu Á giảm, thị trường Trung Quốc lại bị bán mạnh

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản giảm 0,83%.

Tại Nhật Bản, Nikkei giảm 1,65% còn Topix giảm hơn 1%.

Reuters đưa tin sản lượng công nghiệp Nhật Bản tăng 6,2% trong tháng 6, tăng mạnh từ mức giảm 6,5% trong tháng 5. Doanh số bán lẻ tháng 6 tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn dự báo tăng 0,2%.

Thị trường Trung Quốc bị bán mạnh với Shanghai Composite giảm hơn 1%, Shenzhen Component giảm 1,25%. Hang Seng của Hong Kong giảm 1,2%.

Các cổ phiếu công nghệ có xu hướng giảm giá sau khi phục hồi phiên trước đó. Alibaba giảm 4,5%, Tencent giảm gần 3% còn Meituan giảm hơn 5%. Chỉ số Hang Seng Tech giảm 3,6%.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm gần 1%.

Nikkei Asia: Xuất khẩu chip của Việt Nam và một số nước ASEAN mạnh hơn cả thời điểm trước đại dịch Covid-19

Theo Nikkei Asia, xuất khẩu trong tháng 6/2021 của Việt Nam và một số nền kinh tế khác trong khu vực ASEAN đã cao hơn rất nhiều so với cùng kỳ năm 2019. Một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy sự gia tăng của kim ngạch xuất khẩu ở khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng là do nhu cầu về các sản phẩm bán dẫn tăng cao trong bối cảnh khủng hoảng thiếu chip trên toàn cầu.

Chia sẻ với tờ báo Nhật, Wong Siew Hai, Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp Bán dẫn Malaysia cho biết: "Nhu cầu về linh kiện bán dẫn trên thế giới vẫn còn mạnh mẽ. Chúng tôi đang cố gắng làm nhiều nhất có thể để đáp ứng các đơn đặt hàng của khách hàng."

Xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, phần lớn là sản phẩm điện thoại thông minh do Samsung Electronics của Hàn Quốc sản xuất, chiếm khoảng 20% tổng sản lượng. Tính riêng 6 tháng đầu năm, giá trị các mặt hàng xuất khẩu máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện của Việt Nam tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến ngày 15/7, xuất khẩu linh kiện ô tô, phương tiện của Việt Nam ra nước ngoài đạt hơn 5,9 tỷ USD, trong đó linh kiện ô tô chiếm 3,7 tỷ USD. Điều đáng nói, Việt Nam là đối tác xuất khẩu linh kiện với nhiều cường quốc sản xuất ô tô hàng đầu thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan và Đức.

Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam xuất sang Nhật hơn 1,3 tỷ USD hàng linh kiện ô tô, sang Mỹ là gần 1,1 tỷ USD, sang Trung Quốc và Thái Lan hơn 230 triệu USD, sang Hàn Quốc là hơn 330 triệu USD và Đức là hơn 74 triệu USD.

Việt Nam nhập siêu 2,7 tỷ USD sau 7 tháng

Báo cáo kinh tế xã hội tháng 7 và 7 tháng của Tổng cục Thống kê vừa công bố cho thấy cán cân thương mại ước tính thâm hụt 1,7 tỷ USD trong tháng 7 và nhập siêu 2,7 tỷ USD trong 7 tháng. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,8 tỷ USD, khu vực FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 15,1 tỷ USD.

Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 7 ước đạt 27 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước nhưng lại tăng 8,4% so với cùng kỳ trong nước. Tính chung 7 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt hơn 185,3 tỷ USD, tăng gần 26% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước ước đạt hơn 48,5 tỷ USD, tăng gần 15%, chiếm hơn 26% tổng kim ngạch xuất khẩu. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) có kim ngạch xuất khẩu ước đạt hơn 136,8 tỷ USD, tăng gần 30%, chiếm gần gần 74%.

7 tháng đầu năm ghi nhận 27 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, trong đó, 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, ước đạt 29,4 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng gần 12% so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện, ước đạt 27,4 tỷ USD, tăng gần 16%. Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 19,7 tỷ USD, tăng hơn 55%. Hàng dệt may đạt 18,6 tỷ USD, tăng hơn 14%.

Giá thép đang giảm từng ngày, thấp hơn khu vực và thế giới

Thời gian qua, các công ty thép lớn trong nước đồng loạt thông báo giảm giá thép xuống mức 16,1 triệu đồng/tấn - 16,7 triệu đồng/tấn đối với thép cuộn CB240 và 16,8 triệu đồng/tấn - 17,3 triệu đồng/tấn đối với thép thanh D10, theo VnEconomy.

Như vậy, so với thời điểm cuối tháng 5 và đầu tháng 6/2021, giá thép xây dựng đến ngày 22/6 đã giảm khoảng 750.000 đồng/tấn – 1,5 triệu đồng/tấn (tùy theo thương hiệu và sản phẩm).

Báo cáo mới nhất của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) cũng cho thấy kể từ giữa năm 2020, giá các mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất thép cũng như giá thép thành phẩm thế giới diễn biến phức tạp và có chiều hướng tăng cho đến thời điểm giữa tháng 5/2021. Tuy nhiên, hiện tại giá thép các loại đã điều chỉnh giảm.

Giá thép xây dựng trong nước ở mức bình quân khoảng 16.200-16.500 đồng/kg tùy thuộc từng chủng loại sản phẩm và từng doanh nghiệp cụ thể, giảm khoảng 4% so với tháng trước.

Mặc dù mức giá này vẫn tăng khoảng 50% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng đây là tháng đầu tiên giá thép trong nước sụt giảm sau 4 tháng liên tục tăng kể từ tháng 2/2021 đến nay.

Trong khi đó, trên thị trường thế giới, giá thép thanh vẫn vào phiên cuối tháng 6 vừa qua trên Sàn giao dịch Thượng ở mức 5.122 nhân dân tệ/tấn, tương đương hơn 18,2 triệu đồng/tấn, cao hơn thị trường Việt Nam khoảng 800.000 - 1 triệu đồng/tấn, tương đương 10,3-12,3%.

Thịt mát, mì gói... "cháy hàng" mùa Covid-19: Masan thu về gần 2 tỷ USD doanh thu sau nửa đầu năm

Tập đoàn Masan (MSN) đã công bố BCTC hợp nhất quý 2/2021 với doanh thu 21.577 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ. Khấu trừ giá vốn, lợi nhuận gộp thu về 4.847 tỷ, tăng hơn 24%. Trong kỳ, doanh thu tài chính giảm mạnh, chủ yếu do lãi tiền gửi giảm. Chi phí lãi vay tăng mạnh từ mức 863 tỷ lên 1.180 tỷ đồng. Khấu trừ chi phí, MSN lãi sau thuế 1.053,5 tỷ đồng, cao gấp 19,5 lần so với con số 54 tỷ đồng. LNST dành cho cổ đông công ty mẹ tăng từ 195 tỷ lên 791 tỷ đồng.

Ghi nhận, giai đoạn đầu tháng 7, lượng tiêu thụ quá cao khiến MEATLife không kịp sản xuất để đáp ứng thị trường. Khấu trừ chi phí giá vốn, mảng thịt MEATLife mang về 1.308 tỷ lợi nhuận gộp, chiếm đến 14% tổng lợi nhuận Masan.

Bách Hoá Xanh: Doanh thu nửa đầu năm tăng 42% lên hơn 13.360 tỷ đồng

Đầu tư Thế giới Di động (MWG) vừa công bố tình hình kinh doanh nửa đầu năm 2021. Trong đó, chuỗi Bách Hoá Xanh (BHX) ghi nhận doanh thu hơn 13.360 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ.

Riêng tháng 6/2021, BHX vượt mốc doanh thu 2.700 tỷ đồng, tăng 7% so tháng 5 và tăng 69% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu trung bình trên mỗi cửa hàng trong tháng 6 đạt hơn 1,4 tỷ đồng. Với kết quả này, BHX tiếp tục cải thiện biên EBITDA nhưng vẫn đang ghi nhận lỗ ở cấp độ công ty.

Nửa đầu năm qua, kênh BHX online ghi nhận số lượng đơn hàng gấp 5 lần và doanh thu gấp 4,4 lần so với cùng kỳ năm trước. Sau một năm Công ty đầu tư nguồn lực để phát triển kênh này, BHX online đang phục vụ từ 8.000 đến 10.000 đơn hàng mỗi ngày tại 23 tỉnh thành.

Vingroup báo lãi hợp nhất trước thuế quý 2/2021 đạt hơn 3.600 tỷ đồng

Tập đoàn Vingroup (mã chứng khoán VIC) đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2021 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS).

Tổng doanh thu thuần hợp nhất trong quý II đạt 38.451 tỷ đồng – tăng 65% so với cùng kỳ năm trước, với hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực Bất động sản và Công nghiệp với mức tăng tương ứng 62% và 53%. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần hợp nhất của Vingroup đạt 61.770 tỷ đồng, tăng 59% cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận trước thuế trong quý II năm 2021 đạt 3.618 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ; lũy kế 6 tháng đạt 6.403 tỷ đồng, tăng 4,6% cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế quý II đạt 565,5 tỷ đồng, giảm 36,9% cùng kỳ năm 2020, lũy kế 6 tháng đạt 1.433 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ 2020.

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ quý II đạt 1.211 tỷ đồng, giảm 40,8% cùng kỳ 2020, lũy kế 6 tháng đạt 3.305 tỷ đồng, tăng 33% cùng kỳ 2020.

TTC Land (SCR): 6 tháng đạt 220 tỷ LNTT, cao gấp 3,5 lần cùng kỳ và thực hiện 95% kế hoạch năm

TTC Land (SCR) đã công bố BCTC hợp nhất quý 2/2021 với doanh thu thuần đạt 1.149 tỷ, tăng hơn 12 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong kỳ, Công ty đã bàn giao 350 căn hộ/tổng số 639 căn thuộc dự án Carillon 7 tại quận Tân Phú, Tp.HCM.

Khấu trừ giá vốn, lợi nhuận gộp Công ty thu về 203 tỷ đồng, tăng gấp 9,5 lần. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tương ứng đạt 182 tỷ đồng, tăng hơn 12 lần so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần hợp nhất Công ty đạt 1.199 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần so với cùng kỳ năm 2020 và thực hiện gần 80% kế hoạch năm. Đồng thời, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 220 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so với cùng kỳ năm 2020 và thực hiện đến 95% kế hoạch năm.

Đất Xanh (DXG): Nửa đầu năm doanh thu tăng 6,5 lần, LNST ghi nhận 1.189 tỷ đồng

Tập đoàn Đất Xanh (DXG) đã công bố BCTC hợp nhất quý 2/2021 với doanh thu thuần 3.563 tỷ đồng, tăng cao gấp 7,5 lần cùng kỳ. Lãi gộp tương ứng tăng 448% lên 1.957 tỷ đồng.

Trong kỳ, các khoản chi phí ghi nhận tăng mạnh, cụ thể chi phí bán hàng cao gấp 7 lần lên mức 701 tỷ đồng, chi phí quản lý cũng tăng hơn gấp đôi lên 189 tỷ đồng.

Khấu trừ, DXG báo lãi ròng 298 tỷ đồng trong quý 2/2021, cùng kỳ năm ngoái thua lỗ 556 tỷ đồng. Giải trình, DXG cho biết do quý 2 Công ty có khoản doanh thu tài chính từ hoạt động niêm yết của Đất Xanh Services (DXS).

Cùng với đó, quý 2/2020 Công ty phát sinh chi phí tài chính từ hoạt động bán cổ phần và chưa kịp ghi nhận doanh thu từ các dự án đã thực hiện. Trong khi sang quý 2 năm nay, DXG tiếp tục ghi nhận doanh thu lợi nhuận từ các dự án đã bán từ năm 2020. Song song, hoạt động môi giới, dịch vụ trong kỳ cũng phát triển tốt.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Công ty đạt 6.535 tỷ doanh thu, cao gấp 6,5 lần cùng kỳ. Khấu trừ chi phí, Công ty lãi sau thuế 1.189 tỷ, nửa đầu năm ngoài lỗ hơn 374 tỷ đồng.

Nhà Khang Điền (KDH): Quý 2 lãi 265 tỷ đồng, chỉ tăng 5% so với cùng kỳ 2020

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (Mã CK: KDH - sàn HOSE) đã công bố báo cáo tài chính quý 2/2021 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2021.

Theo đó, trong quý 2/2021, Khang Điền ghi nhận doanh thu đạt 1.112 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 265 tỷ đồng, lần lượt tăng 43% và 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 53% về chỉ còn 38%.

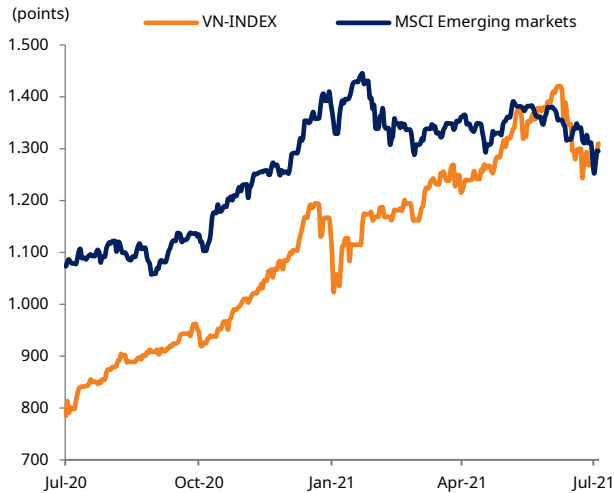
Trong kỳ, lợi nhuận gộp chỉ tăng 2% so với cùng kỳ đạt 426 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 24% so với cùng kỳ lên 23,5 tỷ đồng; chi phí bán hàng giảm hơn một nửa về 15 tỷ đồng và các hoạt động khác lỗ 10,3 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, KDH đạt 1.948 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 31% so với cùng kỳ, LNST đạt 472 tỷ đồng tăng 15,7% so với nửa đầu năm ngoái. LNST công ty mẹ là 470 tỷ đồng tương đương EPS đạt 760 đồng.

Bản tin thị trường

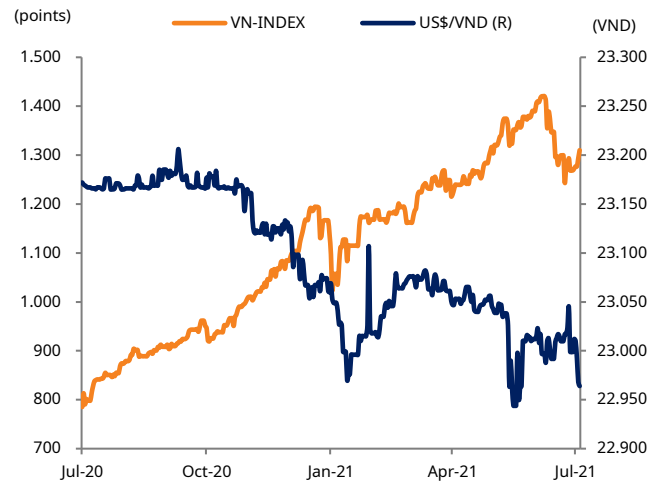
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



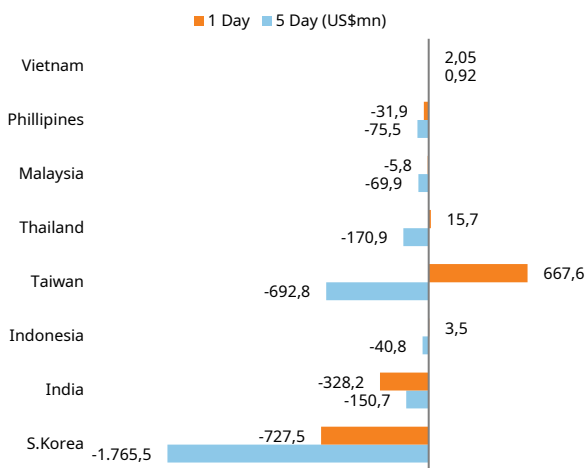
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



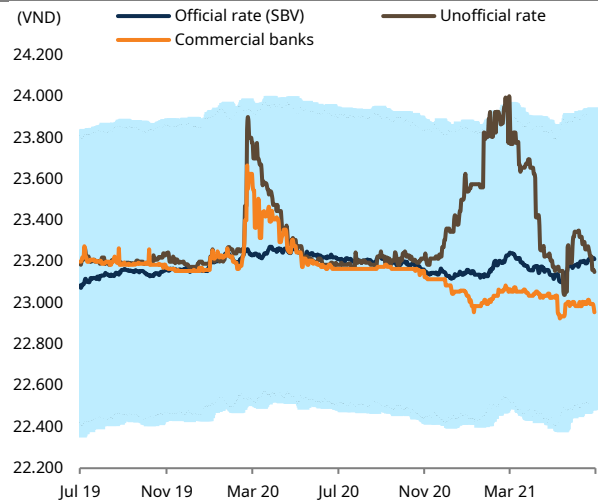
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



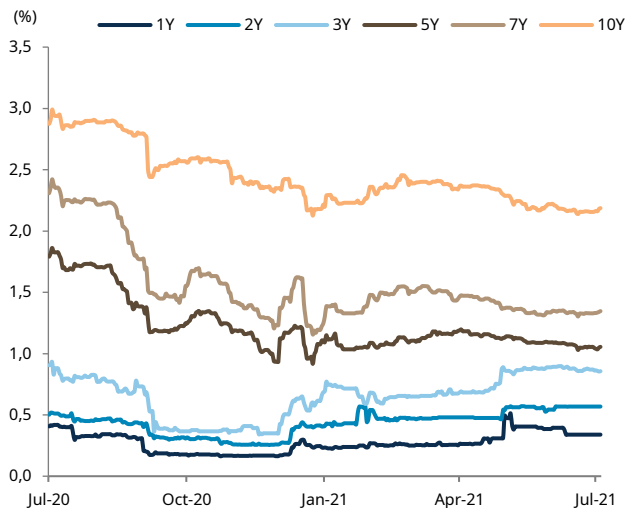
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



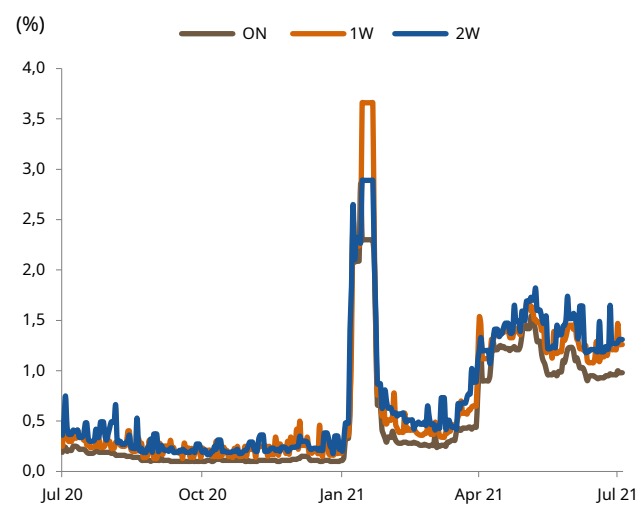
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,447.23	3,410,952		1.4	3.3	-5.3	94.0	13.7	11.8	2.5	2.1	12.7	15.7	22.8	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,100	165,305	16.7	0.2	2.2	-13.0	10.5	17.5	12.8	1.8	1.6	62.2	36.8	11.9	14.5
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	51,100	37,933	26.8	1.4	1.4	-12.5	25.9	22.1	19.6	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,400	165,318	24.5	1.5	5.8	-15.7	108.0	7.5	6.7	1.4	1.2	60.3	12.8	20.4	19.7
CTCP FPT	FPT VN	94,000	85,302	49.0	0.6	3.9	6.8	139.4	20.8	17.4	4.6	4.0	25.9	20.0	25.0	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,600	171,490	2.8	0.1	1.8	-3.7	36.8	17.8	15.3	3.2	3.0	24.8	16.8	19.2	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,700	53,710	17.9	0.9	4.2	-5.1	130.7	9.8	8.1	1.8	1.5	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,300	211,569	26.7	0.4	3.3	-8.2	188.9	7.6	7.2	2.4	1.8	118.0	5.8	37.9	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	40,700	25,360	30.8	2.3	6.0	8.4	96.3	21.3	15.8	2.8	2.4	2.1	35.1	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,900	109,193	21.7	1.8	4.1	-10.0	185.7	8.7	7.5	1.6	1.3	50.8	16.8	21.5	20.9
Tập đoàn Masan	MSN VN	134,000	158,192	33.3	4.9	12.6	20.3	169.1	56.8	33.3	7.7	6.2	123.7	70.9	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	164,100	77,998	49.0	0.8	1.5	8.0	120.9	15.6	12.9	3.8	3.3	21.8	20.5	26.5	26.7
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,000	153,255	9.8	0.0	1.0	-14.0	122.6	28.2	30.9	4.4	4.3	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	92,500	45,026	3.8	1.8	4.4	-1.0	401.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,300	63,808	17.3	0.6	2.2	-6.4	21.6	18.5	15.7	2.6	2.6	303.1	18.4	16.0	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,800	21,782	48.9	3.0	5.3	-4.3	86.0	16.9	13.3	3.5	3.0	31.7	27.4	23.5	23.6
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,700	25,058	3.0	0.5	1.9	-11.2	14.9	12.3	10.8	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	55,000	16,998	49.0	5.0	6.8	-4.7	69.5	9.4	7.6	1.2	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,550	11,448	8.9	1.1	2.2	-11.7	37.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	54,600	35,758	48.2	1.1	7.9	-0.7	297.1	27.2	22.2	4.0	3.7	2.3	23.0	14.1	14.5
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,900	53,929	14.2	2.0	4.2	-2.3	193.1	23.0	15.4	1.8	1.6	4.3	48.9	8.9	11.8
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	51,100	179,101	22.5	1.0	3.2	-3.0	174.7	10.9	9.3	2.0	1.6	33.4	17.7	20.0	19.3
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	19,150	7,644	13.2	1.3	3.5	-12.4	0.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,000	37,509	30.0	0.9	6.1	-4.8	108.6	8.3	6.9	1.7	1.4	23.5	20.1	22.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,000	363,470	23.6	0.1	1.0	-15.8	26.6	15.8	13.5	3.1	2.6	38.9	16.6	22.1	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	108,300	356,254	23.3	0.4	0.7	-8.2	41.4	11.6	10.2	3.1	2.4	11.8	13.6	31.7	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	107,200	362,597	15.2	2.0	3.1	-9.9	26.0	58.2	57.4	4.1	3.7	8.9	1.4	7.2	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	113,000	61,202	18.3	-1.2	-0.4	-7.0	17.7	150.7	23.1	3.3	2.7	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,100	179,945	55.2	-0.8	-1.7	-4.8	-5.2	17.7	16.7	5.5	5.2	1.7	6.2	32.9	33.6
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,000	149,740	15.4	5.7	4.3	-9.9	200.5	10.7	10.2	1.9	1.5	33.3	5.0	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,650	62,830	30.6	1.1	2.4	-12.9	6.6	23.5	18.6	2.0	1.8	12.1	26.9	8.4	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	41.22	4,850,731	1.3	3.2	-7.0	63.5	15.3	12.9	2.5	2.2	9.8	18.2	20.0	19.0
Ô tô và phụ tùng	0.11	8,466	0.8	5.2	-1.9	68.1	6.8	6.2	1.3	1.2	35.2	10.4	12.7	12.7
Ngân hàng	14.81	1,618,700	1.7	3.5	-9.7	81.1	12.9	10.4	2.1	1.7	38.6	19.9	19.5	18.8
Xây dựng cơ bản	1.55	174,423	1.5	3.5	-3.4	77.1	6.7	5.1	0.5	0.4	12.3	26.6	7.6	8.1
Dịch vụ thương mại	0.00	4,668	0.2	0.3	1.1	30.7	7.9	5.7	NA	NA	10.8	39.0	9.5	12.4
May mặc và trang sức	0.32	43,710	1.9	2.8	-3.7	147.6	12.7	10.2	2.5	2.1	39.3	22.7	17.4	17.7
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	7,904	0.1	1.3	-5.2	17.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	1.40	91,126	1.9	6.1	-3.9	264.1	16.8	13.3	2.7	2.4	18.7	28.6	12.8	13.8
Năng lượng	0.56	80,391	0.4	2.7	-7.7	36.6	19.2	14.7	2.2	2.2	NA	29.0	13.9	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	5.37	532,550	1.5	4.2	1.5	53.8	28.0	19.7	5.1	4.5	47.6	31.6	20.2	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	847	4.1	2.0	-5.2	25.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.01	1,902	2.6	2.8	3.5	8.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.20	46,571	1.2	1.7	-8.6	32.6	19.2	17.2	1.6	1.5	14.8	11.5	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	6.23	484,935	1.0	5.1	-5.5	191.4	48.2	13.3	2.0	1.0	92.2	-3.6	23.8	18.8
Giải trí và truyền thông	0.01	1,340	1.1	1.7	-9.5	-24.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.12	35,433	-0.7	-1.0	-14.2	33.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	6.64	1,173,710	0.1	1.3	-3.1	27.6	8.7	7.6	1.5	1.0	9.8	13.2	9.0	9.4
Bán lẻ	0.37	87,003	1.1	2.2	-9.0	68.1	27.3	26.4	3.0	2.6	14.8	17.8	15.4	14.2
Phần mềm và dịch vụ	1.06	90,352	0.6	1.6	8.3	113.2	14.9	12.2	3.5	3.0	35.4	19.7	24.0	24.4
Thiết bị và phần cứng	0.13	6,577	0.9	4.7	7.1	136.0	19.7	16.4	4.4	3.8	28.2	21.5	23.6	24.4
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,339	1.1	7.8	14.8	272.9	15.8	13.3	4.3	3.4	51.5	18.8	25.0	23.7
Vận tải	1.53	154,861	0.6	-0.5	-11.1	238.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.92	251,978	1.6	4.0	-1.6	47.7	63.3	12.1	22.4	1.5	NA	NA	-57.1	20.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	134,000	12.6	1,571,500	4.8
VIC VN	107,200	3.1	1,598,220	2.9
GVR VN	33,700	8.7	4,629,600	2.9
CTG VN	34,400	5.8	14,199,900	2.5
ACB VN	36,150	9.5	12,160,700	2.3
HPG VN	47,300	3.3	23,741,260	1.8
VPB VN	61,000	4.3	10,222,140	1.7
TCB VN	51,100	3.2	12,926,740	1.5
MBB VN	28,900	4.1	13,569,420	1.2
VCB VN	98,000	1.0	1,591,120	1.0

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	86,100	-1.7	2,779,740	-0.8
SSB VN	36,600	-2.5	1,554,600	-0.3
HNG VN	7,750	-6.1	13,778,060	-0.1
VCG VN	44,100	-1.6	457,340	-0.1
PSH VN	19,950	-10.5	3,406,020	-0.1
BWE VN	36,750	-3.0	723,780	-0.1
VJC VN	113,000	-0.4	558,500	-0.1
TCM VN	75,900	-3.8	209,380	-0.1
NHH VN	44,900	-10.0	300,660	0.0
ASM VN	12,700	-5.2	2,192,940	0.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.